TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Nguyễn Thị Thu

Ông Lữ Quốc Toàn

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc trong thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm trong việc xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thể cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh

phúc. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 22/4/2021 đến nay. Hiện nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn liên quan đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L1.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Uy V, sinh ngày 23/4/2019 và cháu Nguyễn Hương L2, sinh ngày 22/7/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu V và cháu L2 đang sống cùng chị, do chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, chị L được ly hôn với anh L1. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Uy V và cháu Nguyễn Hương L2 cho chị L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn L1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L1 và yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật là

"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Linh có nơi cư trú tại ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh L1, nên xác định chị L là nguyên đơn, anh L1 là bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị L khai, cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc trong thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm trong việc xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thể cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 22/4/2021 đến nay. Hiện nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn liên quan đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L1.

Qua xác minh tại địa phương, đại diện địa phương không biết tình trạng hôn nhân, mẫu thuẫn của chị L và anh L1 như thế nào. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L1 đến tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L1 vắng mặt không có lý do cho thấy anh L1 có thái độ thờ ơ, không muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh L1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Uy V, sinh ngày 23/4/2019 và cháu Nguyễn Hương L2, sinh ngày 22/7/2020.

Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, cả hai cháu Nguyễn Uy V và Nguyễn Hương L2 hiện đang sống cùng chị L, do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Hương L2 là con gái cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ; do đó, nghĩ nên tiếp tục giao cả hai cháu Nguyễn Uy V và Nguyễn Hương L2 cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L trình bày chị không yêu cầu giải quyết. Anh L3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị L trình bày anh chị không có nợ chung. Anh L3 đã

được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị L.

1. Chấp nhận cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1. Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 83/2018, ngày 23/11/2018 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Uy V, sinh ngày 23/4/2019 và cháu Nguyễn Hương L2, sinh ngày 22/7/2020 cho chị Dương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn L1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L1 được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Dương Thị L. Khi cần thiết, chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn L1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Dương Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Dương Thị L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0026522 ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Dương Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Hương